

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/DS-PT

Ngày: 25-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Trần Tuấn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Đại Triều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 214/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1964, cư trú tại: Số 94, đường T, khu phố 3, phường E, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Các đồng bị đơn:

- Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1987; HKTT: Tổ 8, ấp Lộc Thuận, xã Lộc Ninh, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; Cư trú tại: Số 312, Quốc lộ X, tổ 6, khu phố LT, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1990, cư trú tại: Số 312, Quốc lộ X, tổ 6, khu phố LT, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; HKTT: Số 296, đường V, tổ 13, ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Cư trú tại: Số 94, đường T, khu phố 3, phường E, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Kim M, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 06, hẻm 29, đường T, khu phố 1, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P là bị đơn;.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn M trình bày: Giữa ông và vợ chồng anh Đỗ Văn N, chị Nguyễn Thị Mỹ P không quen biết, nhưng do bà Nguyễn Kim M giới thiệu nên ông có cho anh N, chị P vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 29-7-2019 ông cho vay số tiền 300.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ;

- Ngày 05-8-2019 ông tiếp tục cho vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thỏa thuận trả vào ngày 11-8-2019.

Cả 02 lần vay tiền, anh N tự viết giấy nợ và anh cùng chị P ký tên; anh N, chị P vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Tây Ninh (viết Ngân hàng Nam Á), không thế chấp tài sản, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; sau khi anh N, chị P được ngân hàng cho vay tiền lại thì trả nợ gốc và tiền lãi cho ông một lần.

Sau khi trả tất nợ cho Ngân hàng Nam Á, anh N, chị P xin tăng vốn vay lên 02 tỷ đồng nhưng ngân hàng không đồng ý cho vay. Nên anh N, chị P lấy tài sản thế chấp đến vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh (viết Ngân hàng BIDV) số tiền 02 tỷ đồng. Ngày 22-8-2019, Ngân hàng BIDV giải ngân trước 01 tỷ đồng, nên anh N chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị V, là vợ của ông để trả nợ. Sau khi bà V rút tiền mặt trong tài khoản ra thì anh N mượn lại 100.000.000 đồng và nói để đợt sau ngân hàng giải ngân thêm 01 tỷ đồng anh N sẽ trả hết tiền nợ gốc và tiền lãi một lần. Bà V đồng ý cho mượn lại, nên thực tế ngày 22-8-2019 anh N chỉ trả cho vợ chồng ông 900.000.000 đồng. Anh N yêu cầu bà V viết giấy nhận tiền 900.000.000 đồng, bà V đồng ý viết giấy và ký tên nhận số tiền trên. Sau đó vợ chồng ông có gặp và nhắn tin trên điện thoại di động cho anh N nhiều lần để đòi số tiền còn nợ. Anh N hứa trả và có viết giấy hẹn trả nợ nhiều lần, nhưng đến nay anh N, chị P vẫn chưa trả nợ cho vợ chồng ông.

Ngoài ra, ngày 26-8-2019, ông có cho anh N vay số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long - Chi nhánh C, tỉnh Tây Ninh, sau đó anh N lấy tài sản thế chấp ra vay lại số 900.000.000 đồng tại ngân hàng Quốc Tế - Chi

nhánh Tây Ninh. Sau khi vay được tiền thì ngày 28-8-2019, anh N mới trả tất nợ gốc và lãi của khoản tiền vay 500.000.000 đồng và trả tiền lãi của khoản nợ vay 1.500.000.000 đồng cho ông, cụ thể như sau:

- $300.000.000 \text{ đồng} \times 03\% \times 30 \text{ ngày (từ ngày 29-7-2019 đến ngày 28-8-2019)} = 9.000.000 \text{ đồng};$

- $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 03\% \times 17 \text{ ngày (từ ngày 05-8-2019 đến ngày 22-8-2019)} = 20.400.000 \text{ đồng};$

- $300.000.000 \text{ đồng} \times 03\% \times 06 \text{ ngày (từ ngày 23-8-2019 đến ngày 28-8-2019)} = 1.800.000 \text{ đồng (lúc này đã trả được 900.000.000 đồng). Tổng cộng tiền lãi trả được 31.200.000 đồng.}$

Từ khi vay số tiền 1.500.000.000 đồng đến nay, anh N, chị P chỉ trả cho vợ chồng ông tiền vay 900.000.000 đồng của lần vay tiền ngày 05-8-2019 số tiền 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28-8-2019 chỉ trả được 31.200.000 đồng. Khi trả tiền lãi không làm giấy, nhưng ông có viết phía sau giấy nợ ngày 05-8-2019 ghi “*Đã tính lãi đến 28-8-2019*” và ký tên để tự theo dõi. Nay ông yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay còn nợ 600.000.000 đồng và tính tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng.

Bị đơn anh Đỗ Văn N trình bày: Anh N thừa nhận vợ chồng anh có vay của ông M, bà V số tiền 1.500.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng Nam Á như ông M trình bày. Sau khi trả tất nợ cho Ngân hàng Nam Á, vợ chồng anh có vay của Ngân hàng BIDV được số tiền 02 tỷ đồng. Ngày 22-8-2019, anh có trả bằng tiền mặt trước cho bà V 900.000.000 đồng, từ nguồn vốn kinh doanh của vợ chồng anh. Cùng ngày 22-8-2019, Ngân hàng BIDV đã giải ngân tiền vay và chuyển vào tài khoản của bà V 1.000.000.000 đồng để trả nợ, như vậy ngày 22-8-2019 anh đã trả cho ông M, bà V tổng cộng 1.900.000.000 đồng. Trong đó số tiền vay là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000.000 đồng. Vì tiền lãi ông M tính 1.000.000 đồng thì mỗi ngày trả tiền lãi 10.000 đồng, 01 ngày tiền lãi ông M tính thành 03 ngày, nếu 03 ngày tiền lãi thì ông M tính thành 05 ngày, nên tiền lãi được tính như sau:

- Ngày 29-7-2019 vay 300.000.000 đồng tính đến ngày 22-8-2019 là 24 ngày: $24 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} \times 3.000.000 \text{ đồng} = 216.000.000 \text{ đồng};$

- Ngày 05-8-2019 vay 1.200.000.000 đồng tính đến ngày 22-8-2019 là 18 ngày: $18 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} \times 12.000.000 \text{ đồng} = 648.000.000 \text{ đồng};$

Tính đến ngày 22-8-2019, tiền lãi vợ chồng anh phải trả cho ông M, bà V tổng cộng là 864.000.000 đồng, nhưng anh chỉ trả được 400.000.000 đồng nên

còn nợ lại 464.000.000 đồng. Ông M, bà V nói trả tiền lãi trước 400.000.000 đồng, còn nợ tiền lãi 464.000.000 đồng tính thành tiền gốc và tiếp tục tính lãi của 464.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng ông M có gặp anh và nhắn tin trên điện thoại yêu cầu trả số tiền còn nợ, anh có hứa và viết giấy hẹn trả nợ trên tờ giấy ghi chú màu vàng mà ông M, bà V đã cung cấp cho Tòa án. Trên giấy này anh ghi “gốc” nghĩa là tiền lãi gốc, còn “lãi” nghĩa là tiền lãi của nợ lãi, nhưng sau đó anh thấy tính tiền lãi quá cao so với quy định của pháp luật cũng như so với thỏa thuận 3%/tháng, nên anh không trả tiền lãi cho ông M.

Vợ, chồng anh đã trả cho ông M tiền vay 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng, nên không đồng ý trả cho ông M thêm số tiền gốc nào nữa. Anh N yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, nếu thiếu anh sẽ trả thêm, nếu thừa thì ông M phải trả lại cho anh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ P trình bày: Chị P thống nhất với lời trình bày của anh N, chị P thừa nhận vợ chồng chị có vay của ông M số tiền 1.500.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng. Ngày 22-8-2019 anh N đã chuyển khoản và trả bằng tiền mặt cho bà V tổng cộng 1.900.000.000 đồng, trong đó gốc 1.500.000.000 đồng và lãi 400.000.000 đồng. Như vậy hiện nay vợ chồng chị không còn nợ, nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là vợ của ông M, bà thống nhất với lời khai của ông M. Trong số tiền vay 1.500.000.000 đồng, ngày 22-8-2019 anh N chỉ trả cho bà được 900.000.000 đồng, không phải trả 1.900.000.000 đồng như anh N, chị P trình bày. Vợ chồng bà yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay còn nợ 600.000.000 đồng và tính tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng.

Người làm chứng bà Nguyễn Kim M trình bày: Bà M thừa nhận có giới thiệu vợ chồng anh N đến gặp ông M, bà V để vay số tiền 1.500.000.000 đồng trả nợ cho Ngân hàng Nam Á. Sau đó anh N, chị P vay của Ngân hàng BIDV số tiền 02 tỷ đồng. Khi Ngân hàng BIDV giải ngân cho anh N trước số tiền 1.000.000.000 đồng, bà đi cùng bà V và có chứng kiến sự việc: Sau khi ngân hàng chuyển tiền vay của anh N vào tài khoản của bà V 1.000.000.000 đồng để trả nợ, anh N có hỏi bà V mượn lại 100.000.000 đồng và hứa khi ngân hàng giải ngân số tiền vay còn lại 1.000.000.000 đồng thì anh N sẽ trả hết tiền nợ cho ông M, bà V. Bà V đồng ý, nên sau khi rút 1.000.000.000 đồng từ Ngân hàng BIDV bà V đưa cho anh N mượn lại 100.000.000 đồng, nên thực tế bà V chỉ nhận tiền của anh N trả trong ngày đó (bà không nhớ ngày cụ thể) là 900.000.000 đồng. Anh N yêu cầu bà V

viết giấy xác nhận số tiền 900.000.000 đồng anh N trả. Bà V nghĩ là anh N trả 900.000.000 đồng nên có viết giấy xác nhận số tiền anh N trả 900.000.000 đồng, không phải trả 1.900.000.000 đồng như anh N trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M đối với anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P.

Buộc anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P cùng có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 112.568.000 đồng, tổng cộng 712.568.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07-7-2020, anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P kháng cáo, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc áp dụng pháp luật; xem xét lại việc trả tiền vay, tiền lãi; anh chị đã trả xong nợ cho ông M, không còn nợ số tiền nào nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M, bà V trình bày: Ngày 22-8-2019, anh N chuyển vào tài khoản của bà V trả nợ cho ông, bà 1.000.000.000 đồng từ nguồn tiền vay của ngân hàng, sau khi bà V rút tiền mặt 1.000.000.000 đồng ra thì anh N vay lại 100.000.000 đồng, nên bà V có viết giấy nhận lại của anh N 900.000.000 đồng. Cho đến nay anh N, chị P trả cho ông, bà được 900.000.000 đồng tiền vay, không phải 1.900.000.000 đồng như anh N trình bày. Do đó, ông M yêu cầu anh N, chị P trả cho vợ, chồng ông số tiền còn nợ 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Anh N cho rằng: Ngày 22-8-2019 trước khi chuyển số tiền vay từ ngân hàng 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà V để trả nợ thì anh trả cho bà V, vợ ông M bằng tiền mặt 900.000.000 đồng. Bà V có viết biên nhận với anh nhận số tiền trên. Ngày 22-8-2019 anh đã trả cho ông M, bà V số tiền 1.900.000.000 đồng, trong đó tiền vay 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 400.000.000 đồng, nên anh không

đồng ý trả số tiền nào nữa cho ông M. Đồng thời anh N yêu cầu Tòa án tính lại phần tiền lãi vợ, chồng anh đã trả; nếu thiếu anh đồng ý trả thêm cho ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Anh N, chị P vay của ông M 1.500.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Anh N, chị P khai ngày 22-8-2019 trả cho ông M 1.900.000.000 đồng, trong đó trả bằng tiền mặt 900.000.000 đồng từ nguồn vốn kinh doanh gia đình; chuyển khoản trả 1.000.000.000 đồng từ nguồn vốn vay của ngân hàng để trả tiền vay 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng. Mặc dù giữa anh và ông M chưa tính tiền lãi với nhau, nhưng do ông M cho vay lãi suất cứ 1.000.000 đồng tiền lãi trả mỗi ngày 10.000 đồng, 01 ngày tiền lãi ông M tính thành 03 ngày, 03 ngày tính thành 05 ngày. Tuy nhiên, anh N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Việc bà V trình bày, ngày 22-8-2019 sau khi anh N chuyển vào tài khoản bà trả số tiền 1.000.000.000 đồng để trả nợ. Khi bà V rút tiền mặt ra, anh N hỏi vay lại 100.000.000 đồng, bà V đồng ý nên viết giấy xác nhận ngày 22-8-2019 có nhận số tiền 900.000.000 đồng của anh N là phù hợp với lời khai của người làm chứng. Do đó có cơ sở xác định ngày 22-8-2019 anh N, chị P trả cho ông M số tiền 900.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Ông M cho vay với mức lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định 20%/năm, nên cấp sơ thẩm đưa về mức lãi suất 1,66%/tháng và trừ vào tiền lãi ông M đã nhận để buộc anh N, chị P trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N, chị P kháng cáo trả xong tiền vay cho ông M, bà V nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N, chị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 29-7-2019, anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P ký giấy vay của ông Huỳnh Văn M số tiền 300.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ. Đến ngày 05-8-2019 anh N, chị P tiếp tục ký giấy vay của ông M số tiền 1.200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 11-8-2019 sẽ trả lại. Anh N, chị P vay tiền của

ông M để trả nợ cho Ngân hàng Nam Á, không thể chấp tài sản, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

[2] Anh N, chị P kháng cáo cho rằng đã trả xong tiền vay, tiền lãi cho ông M, bà V, anh chị không còn nợ số tiền nào. Thấy rằng, sau khi vay được tiền của ông M 1.500.000.000 đồng trả cho Ngân hàng Nam Á, anh N, chị P đã đem tài sản thế chấp để vay lại tại Ngân hàng BIDV số tiền 2.000.000.000 đồng. Nhưng ngày 22-8-2019, Ngân hàng BIDV giải ngân trước số tiền 1.000.000.000 đồng nên anh N chuyển trả số tiền này cho ông M, bà V vào tài khoản của bà V vừa mở tại ngân hàng. Khi tiền được chuyển vào tài khoản, bà V rút hết số tiền này ra và cho anh N mượn lại 100.000.000 đồng, bà V viết giấy tay xác nhận ngày 22-8-2019 anh N chỉ trả được số tiền 900.000.000 đồng; nên anh N, chị P còn nợ lại ông M 600.000.000 đồng.

[3] Anh N, chị P trình bày trong ngày 22-8-2019 anh, chị đã trả cho ông M số tiền vay 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng, trong đó trả trước bằng tiền mặt cho bà V nhận 900.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của bà V trả 1.000.000.000 đồng là không có cơ sở. Vì mục đích anh N, chị P vay tiền 2.000.000.000 đồng tại ngân hàng là để trả nợ tiền vay, tiền lãi cho ông M. Tuy nhiên, đến ngày 22-8-2019 ngân hàng chỉ giải ngân số tiền 1.000.000.000 đồng. Nếu anh N, chị P cho rằng số tiền mặt 900.000.000 đồng là của anh chị trả cho bà V trước khi chuyển khoản trả 1.000.000.000 đồng, thì tại sao anh N, chị P không trả cho ông M ngày 11-8-2019 theo thỏa thuận giấy nợ vay ngày 05-8-2019 mà phải đợi đến ngày 22-8-2019 mới trả để chịu mức lãi suất 30%/tháng.

[4] Tại “Giấy cho mượn tiền” ngày 29-7-2019 và ngày 05-8-2019 hai bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, theo mức lãi suất này từ khi vay tiền đến ngày 22-8-2019 thì tiền lãi là 29.100.000 đồng. Nếu theo mức lãi suất anh N, chị P trình bày 30%/tháng thì số tiền lãi là 291.000.000 đồng, nhưng vì sao anh N, chị P phải trả tiền lãi cho ông M, bà V đến 400.000.000 đồng. Trong khi từ ngày vay tiền đến ngày 22-8-2019 giữa ông M, bà V với anh N, chị P chưa gặp nhau tính tiền lãi, vậy căn cứ vào đâu anh N, chị P trả trước tiền lãi 400.000.000 đồng. Việc anh N, chị P trình bày ông M cho vay lãi suất 30%/tháng và cứ 01 ngày tiền lãi tính thành 03 ngày, nếu 03 ngày thì tiền lãi tính thành 05 ngày, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh; ông M, bà V cũng không thừa nhận lời trình bày của anh N, chị P.

[5] Số tiền vay 1.500.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, tính đến ngày 22-8-2019 số tiền gốc và tiền lãi anh N, chị P phải trả là 1.529.100.000 đồng

nhưng anh N, chị P trả đến 1.900.000.000 đồng. Và nếu anh N, chị P trả xong nợ cho ông M, bà V, vậy tại sao sau ngày 22-8-2019 anh N lại tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ gốc và tiền lãi cho ông M, bà V (bút lục số 50). Do đó có cơ sở xác định ngày 22-8-2019 anh N, chị P chỉ trả cho ông M số tiền 900.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng.

[6] Anh N, chị P vay tiền của ông M thỏa thuận lãi suất 03%/tháng là vượt quá 20%/ năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên phần tiền lãi ông M đã nhận được tính lại. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; tiền lãi được tính như sau:

a. Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn:

- Đối với số tiền vay 300.000.000 đồng được tính: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} (20\%/\text{năm}) \times 10 \text{ tháng} 24 \text{ ngày}$ (từ ngày 29-7-2019 đến ngày 23-6-2020) = 53.784.000 đồng;

- Đối với số tiền vay 1.200.000.000 đồng được tính: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} (20\%/\text{năm}) \times 06 \text{ ngày}$ (từ ngày 05-8-2019 đến ngày 11-8-2019) = 3.984.000 đồng;

b. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn:

- Đối với số tiền vay 1.200.000.000 đồng được tính: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} (30\%/\text{năm}) \times 11 \text{ ngày}$ (từ ngày 12-8-2019 đến ngày 22-8-2019) = 11.000.000 đồng;

- Ngày 22-8-2019 anh N, chị P trả cho ông M được 900.000.000 đồng, trong số tiền vay 1.200.000.000 đồng, nên còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền lãi được tính: $300.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} (30\%/\text{năm}) \times 10 \text{ tháng}$ (từ ngày 23-8-2019 đến ngày 23-6-2020) = 75.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là 143.768.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông M đã nhận là 31.200.000 đồng, còn lại là 112.568.000 đồng. Do đó buộc anh N, chị P trả cho ông M số tiền vay còn nợ 600.000.000 đồng và tiền lãi 112.568.000 đồng, tổng cộng 712.568.000 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh N, chị P.

[8] Về án phí: Anh N, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 16/2020/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2020, của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M đối với anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền vay 600.000.000 đồng và tiền lãi 112.568.000 đồng, tổng cộng 712.568.000 đồng (bảy trăm mười hai triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 32.502.700 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm đồng).

Ông Huỳnh Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông M 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số: 0008407 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Văn N và chị Nguyễn Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008943 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ